

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG
(Từ ngày 01 đến 30/9/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 300-600mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Sông Thao: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 22%. + Sông Lô: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Lô thấp hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 40%. + Sông Đà: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình thấp hơn TBNN cùng kỳ 31%. + Trên sông Hồng: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy ở hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội có 2 đợt gia tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tương đương so với tháng trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 6%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 130-250mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Sông Thao: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao sẽ tăng hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái cao hơn TBNN cùng kỳ 17%. + Sông Lô: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Lô thấp hơn so với tháng vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 44%. + Sông Đà: Trong tháng tới, lưu lượng đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình ở mức thấp hơn TBNN 46%. + Trên sông Hồng: Lưu lượng dòng chảy ở hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến thượng nguồn. Tổng lượng dòng

chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội ở mức xấp xỉ TBNN so với cùng kỳ.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 350-600mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu đã xuất hiện 01 đợt lũ nên dòng chảy trên sông Cầu tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy tháng 8 tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn 108% so với TBNN cùng kì.

+ Trên sông Lục Nam đã xuất hiện 01 đợt lũ lớn, lưu lượng dòng chảy đến tăng nhanh từ ngày 22-26/8. Tổng lượng dòng chảy tháng 8 tại trạm Chũ ở mức cao hơn TBNN 216%

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: khu vực phổ biến 100-200mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

Trong tháng 09/2026, dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy dự báo cao hơn so với TBNN cùng kỳ 43%, trên sông Lục Nam tại trạm Chũ dự báo ở mức cao hơn 12%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Khu vực từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh phổ biến từ 400-600mm, có nơi trên 700mm; Phía bắc Quảng Trị từ 90-160mm, từ phía Nam Quảng Trị đến Huế ít mưa và phổ biến từ 30-90mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 8/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 34%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 29%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 13%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 49%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tháng 8, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 42%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Khu vực từ Thanh Hóa đến phía Bắc Nghệ An phổ biến 200-350mm; từ phía Nam Nghệ An đến Huế phổ biến 370-550mm, có nơi cao

hơn.
Tổng lượng dòng chảy: + Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 9/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa giảm hơn so với tháng trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN 11%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 34%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 34%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diêm thấp hơn 41%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Tháng 09/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động và tăng cao so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 41%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-80mm, có nơi trên 100mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tháng 8, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 13%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng 8, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm, một số sông có xuất hiện dao động và lũ nhỏ. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 4%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 67%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 43%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 78%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tà Pao thấp hơn 79%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 200-400mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Tháng 9/2026, dòng chảy trên các sông có dao động và tăng hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 44%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 32%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng 9, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng

Sơn ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 65%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức thấp hơn 43%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-250mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng 8, lưu lượng dòng chảy đến sông Đắkbla và sông Krông Ana biến đổi theo xu thế tăng dần và ở mức cao hơn tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đắkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 83%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 66%. + Trên sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế tăng dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 200-350mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy đến các sông có xu thế tăng dần và ở mức cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đắkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 80%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 56%. - Trên sông Cửu Long: Dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm. Lượng dòng chảy trên sông Tiền tại trạm Tân Châu khả năng cao hơn TBNN 10%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc thấp hơn TBNN 20%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/10/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 30/9/2026

Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	281	<15	100-200	<5-15
	Sơn La	386	>49	90-160	<5-15
	Hòa Bình	612	>84	160-260	<5-15
	Lào Cai	516	>38	150-250	<10-20
	Yên Bái	310	<15	150-250	<10-20
	Tuyên Quang	302	>9	100-180	<10-20
	Hà Giang	274	<37	150-240	<10-20
	Láng	528	>58	130-220	<10-20
	Thái Bình	594	>102	220-320	<10-20
	Nam Định	544	>74	200-300	<10-20
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	374	>40	80-150	<10-20
	Thái Nguyên	407	>28	130-220	<10-20
	Bắc Ninh	596	>73	130-220	<10-20
	Lạng Sơn	582	>169	90-160	<10-20
	Bắc Giang	392	>26	100-200	<10-20
	Hải Dương	640	>103	130-220	<10-20
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hội Xuân	540	>54	180-280	<5-15
	Bái Thượng	466	>28	230-330	<5-15
	Thanh Hóa	733	>151	250-350	<5-15
	Quỳ Châu	572	>77	220-320	<5-10
	Cửa Rào	507	>106	170-270	<5-10
	Đô Lương	356	>33	300-430	<5-10
	Vinh	752	>199	370-490	<5-10
	Hương Sơn	505	>114	330-450	<5-10
	Hương Khê	407	>43	420-550	<5-10
	Hà Tĩnh	484	>112	410-540	<5-10
	Đồng Hới	159	<4	420-550	xấp xỉ
	Quảng Trị	36	<78	350-480	xấp xỉ
	Nam Đông	86	<62	450-580	xấp xỉ
	Huế	14	<91	370-500	xấp xỉ
Lưu vực sông thuộc	Đà Nẵng	35	<79	350-480	xấp xỉ
	Trà My	85	<64	370-500	xấp xỉ

Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
khu vực Nam Trung Bộ	Ba Tơ	75	<60	300-420	xấp xỉ
	Quảng Ngãi	137	<0	300-420	xấp xỉ
	Quy Nhơn	7	<93	200-300	xấp xỉ
	An Khê	63	<56	180-270	xấp xỉ
	Tuy Hòa	10	<84	200-300	xấp xỉ
	Nha Trang	44	<18	140-240	xấp xỉ
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	284	<18	280-400	xấp xỉ
	Lắk	208	<38	280-400	xấp xỉ
	Buôn Mê Thuột	216	<31	300-420	xấp xỉ
	Biên Hòa	144	<47	260-360	<5-10
	Cần Thơ	181	<8	160-260	<5-15

Bảng 1.2: Tổng lượng dòng chảy dự báo từ ngày 01 đến ngày 30 tháng 9 năm 2026

Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính

Đơn vị: $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	2901	< 22	3340	> 17
Lô	Tuyên Quang	W	2359	< 43	1607	< 44
Đà	Hồ Hòa Bình	W	8338	< 31	4147	< 46
Hồng	Hà Nội	W	11172	> 6	7724	> 2
Cầu	Gia Bảy	W	945	> 108	417	> 43
Lục Nam	Chũ	W	1243	> 216	254	> 12
Mã	Cắm Thủy	W	3464	> 34	2346	> 11
Cả	Yên Thượng	W	1645	< 29	2216	< 34
La	Hòa Duyệt	W	212	< 13	394	< 34
Tả Trách	Thượng Nhật	W	28	> 42	65	> 41
Thu Bồn	Nông Sơn	W	236	~ TBNN	272	< 44
Trà Khúc	Sơn Giang	W	167	< 13	241	< 32
Ba	Củng Sơn	W	174	< 67	311	< 65
Cái NT	Đồng Trăng	W	51	< 43	78	< 43
ĐăkBlá	KonTum	W	54	< 83	83	< 80
Srêpôk	Giang Sơn	W	81	< 66	130	< 56
Tiên	Tân Châu	W			57934	> 10
Hậu	Châu Đốc	W			10757	< 20

Phụ lục 2: Bản đồ phân bố nguồn nước

Hình 2.1: Bản đồ hiện trạng nguồn nước từ ngày 01 đến ngày 31/8/2026

